TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh C ..

- *Bị đơn*: Ông Mã Hoàng T, sinh năm 1977. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1997 bà N, ông T tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường cự cải với nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Mã Hoàng T.

- Về con chung: Có 03 người con, 01 người đã trưởng thành, cháu Mã Nhật A, sinh năm 2002, cháu Mã Thái A1, sinh năm 2009, 02 cháu đang sống chung với bà N, sau khi ly hôn thì 02 cháu Nhật A và Thái A1 có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với ông Mã Hoàng T đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, 02 lần thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không tham gia phiên họp và phiên hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà N.

** Tại phiên tòa:*

- Bà N yêu cầu ly hôn với ông T; về con chung: bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Mã Nhật A và cháu Mã Thái A1, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Mã Hoàng T vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Mã Hoàng T; giao cháu Mã Nhật A và Mã Thái A1 cho bà N nuôi dưỡng; Không đặt ra cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và công nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Mã Hoàng T được triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Mã Hoàng T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1997, nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của bà N, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm và đã ly thân được hơn 04 năm, do bà N và ông T sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Mã Hoàng T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 03 người con chung tên Mã Hoàng L - sinh năm 1999, Mã Nhật A – sinh năm 2002, Mã Thái A1 – sinh năm 2009, khi ly hôn đối với

Hoàng Linh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, bà N yêu cầu được nuôi cháu Nhật A và cháu Thái A1, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Đối với yêu cầu được nuôi con của bà N, phía ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc yêu cầu nuôi con của bà N, việc yêu cầu nuôi con của bà N cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhật A và cháu Thái A1. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Mã Nhật A và cháu Mã Thái A1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự yêu cầu, nên không xem xét.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà N.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Mã Hoàng T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Mã Nhật A, sinh năm 2002 và cháu Mã Thái A1, sinh năm 2009 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005865 ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm bà N đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.